

MARKET LENS

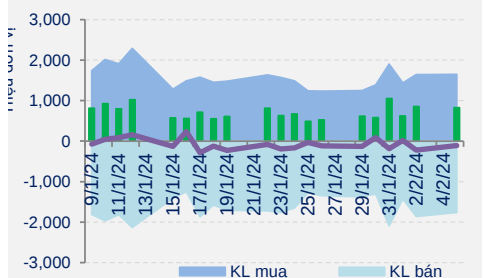
5/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

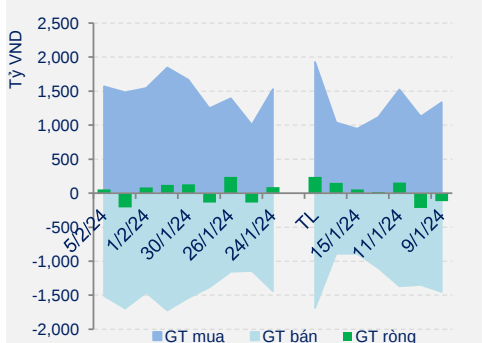
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,186.06	230.28
% Thay đổi	↑ 1.15%	↓ -0.12%
KLGD (CP)	826,975,972	73,449,844
GTGD (tỷ đồng)	19,163.11	1,391.54
Tổng cung (CP)	1,759,506,988	133,022,900
Tổng cầu (CP)	1,651,772,864	104,882,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	50,986,451	8,248,290
KL mua (CP)	46,454,212	861,313
GT mua (tỷ đồng)	1,568.76	26.31
GT bán (tỷ đồng)	1,512.09	163.71
GT ròng (tỷ đồng)	56.67	(137.40)

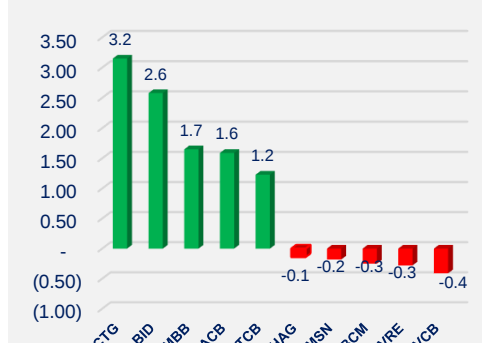
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX trong phiên giao dịch của tuần cuối trước kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán với diễn biến rất tích cực dưới ảnh hưởng nổi bật của nhóm cổ phiếu ngân hàng. VN-INDEX đầu phiên tăng điểm nhẹ, đà tăng duy trì và tăng mạnh cuối phiên với thanh khoản gia tăng tốt. Kết phiên VN-INDEX tăng 13,51 điểm (+1,15%) lên mức 1.186,06 điểm. VN30 tích cực hơn tăng 22,60 điểm (+1,92%) lên mức 1.197,36 điểm vượt vùng giá cao nhất tháng 01/2024. HNX-INDEX kém tích cực hơn, giảm 0,28 điểm (-0,12%) về mức 230,28 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết tích cực với 340 mã tăng giá (08 mã tăng trần), 293 mã giảm giá (09 mã giảm sàn) và 148 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20.644,9 tỉ đồng được giao dịch, vượt mức trung bình, trong đó khối lượng giao dịch VN30 tăng mạnh 33,49% so với phiên trước. Cho thấy thị trường phân hóa, dòng tiền ngắn hạn sau khi luân chuyển đột biến sang các mã vốn hóa trung bình tuần trước, lại gia tăng mạnh trở lại nhóm ngân hàng. Khối ngoại gia tăng giao dịch mua ròng trên HOSE với giá trị 56,67 tỉ đồng, mua ròng ở nhóm ngân hàng; bán ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 137,40 tỉ đồng.

Theo thông tin được đưa ra trong buổi Họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1/2024 diễn ra chiều 1/2/2024: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 64,22 tỷ USD, tăng 37,7% so với cùng kỳ, xuất siêu 2,92 tỷ USD. Trong lĩnh vực nông nghiệp, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng đầu năm 2024 tăng cao, đạt 5,14 tỷ USD nhờ đóng góp của tất cả các nhóm hàng đều tăng. Cụ thể, xuất khẩu lâm sản đạt 1,49 tỷ USD, tăng 72,5%; thủy sản đạt 730 triệu USD, tăng 60,8%; nông sản đạt 2,71 tỷ USD, tăng 93,8%; chăn nuôi đạt 36 triệu USD, tăng 3,5%; đầu vào sản xuất đạt 177 triệu USD, tăng 49,2%.

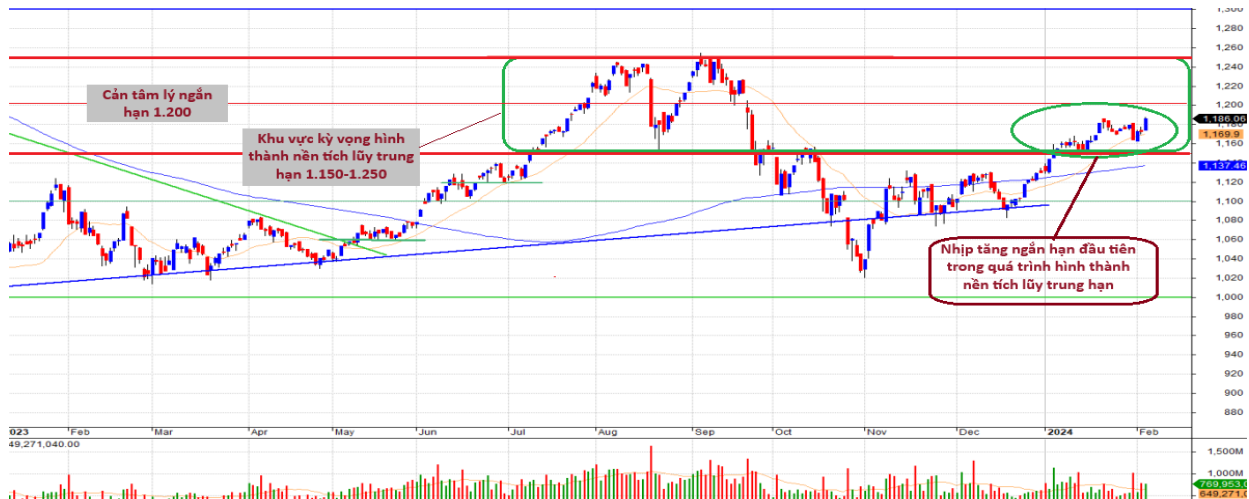
Các cổ phiếu ngân hàng là động lực chính, dẫn dắt thị trường trong phiên hôm nay khi kéo các chỉ số chính VN-INDEX, VN30 vượt lên đường xu hướng giảm giá trung dài hạn kéo dài nổi các vùng đỉnh quanh 1.550 điểm tháng 04/2022 và 1.255 điểm tháng 9/2023 đến nay, nổi bật như CTG (+6,94%), ACB (+5,90%), MBB (+5,52%), VIB (+4,69%), TCB (+3,95%)....

Trong khi đa số các nhóm ngành khác lại có diễn biến phân hóa mạnh hơn như trong nhóm bất động sản khu công nghiệp với các mã vẫn tăng giá tích cực D2D (+6,90%), SIP (+2,57%), GVR (+1,83%)... nhiều mã chịu áp lực điều chỉnh ITA (-3,52%), BCM (-1,55%), DTD (-1,07%)... Các cổ phiếu bất động sản cũng phân hóa tương tự với đa số chịu áp lực điều chỉnh như SGR (-4,29%), DLG (-3,51%), DRH (-2,66%)... ngoài các mã tăng giá CCL (+4,31%), CIG (+3,02%), KDH (+1,15%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí cũng phân hóa mạnh, đa phần các mã có xu hướng tích cực tập trung nhiều ở các mã có kết quả kinh doanh Quý IV cải thiện tốt như VTO (+1,92%), PVD (+1,62%), PVB (+0,99%)... Các nhóm ngành khác cũng có diễn biến phân hóa tương tự khi dòng tiền ngắn hạn luân chuyển từ các mã có chất lượng kém, kết quả kinh doanh không như kỳ vọng sang các mã chất lượng tốt hơn, kết quả kinh doanh tích cực hơn.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 tăng mạnh 21,4 điểm (1,81%) chênh lệch dương 5,14 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tăng 28,09% so với phiên trước, dưới mức trung bình, cho thấy các vị thế mua trong phiên gia tăng. VN30F2402 vượt đỉnh cũ 1.196,4 tháng 01/2024 hướng đến kháng cự quanh 1.210-1.215 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 10,14 điểm đến 2,64 điểm so với VN30. Mức chênh lệch gia tăng và cả 04 kỳ hạn chênh lệch dương, cho thấy các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn và phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Phiên đầu tiên của tuần cuối cùng trong năm âm lịch VnIndex tăng điểm mạnh mẽ, diễn biến tích cực này đúng như chúng tôi kỳ vọng và dự báo. Chốt phiên VnIndex tăng 13,51 điểm (+1,15%) và chốt phiên ở 1.186,06 điểm. Trong ngắn hạn VnIndex trong nhịp tăng nhưng đang đối diện với cản tâm lý 1.200 điểm và có thể sẽ có rung lắc, về trung hạn VnIndex đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng đầu tiên để vận động trong kênh tích lũy rộng và hiện tại VnIndex đang dần tiệm cận cản tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm một lần nữa. Với quan điểm tích cực chúng tôi cho rằng vận động ngắn hạn của VnIndex sẽ hướng tới vùng cản tâm lý 1.200 điểm và có thể có rung lắc tích lũy thêm để gia tăng nội lực trước khi có thể vượt qua ngưỡng cản này.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ giao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong thời gian qua xác nhận VnIndex đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường vận động tích cực và Vn-Index đang dần tiệm cận cản tâm lý 1.200 điểm như chúng tôi đã kỳ vọng và dự báo, chúng tôi cũng đã có khuyến nghị cho những nhà đầu tư ngắn hạn tích cực giải ngân trong các phiên vừa qua. Hiện tại Vn-Index đang tiệm cận cản 1.200 điểm và rất có thể sẽ có rung lắc và điều chỉnh do đó chúng tôi khuyến nghị không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tăng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/2/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	33.30	31-33	38-39	29	24.5	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
FOX	61.65	57-59	67-69	53	12.8	4.9%	15.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	33.95	31-32	36-37	29	14.3	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	32.55	31-32	35-36	30	15.6	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
VCS	60.80	58-60	68-69	55	11.5	-6.0%	14.5%	Theo dõi giải ngân
PVD	28.25	27.5-28.3	31-32	26	27.1	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.10	22.3	28-28.5	25	17.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	53.20	45.1	52-53	50	18.0%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	28.25	27.55	30-31	26.5	2.5%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.45	18.09	23-24	19	7.5%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Chính thức khuyến nghị Chính phủ phương án tăng lương tối thiểu năm 2024

Việc tăng lương tối thiểu vùng từ ngày 1/7/2024 để đồng bộ với thời điểm thực hiện cải cách tiền lương trong khu vực Nhà nước, bảo đảm thời gian để doanh nghiệp chuẩn bị phương án, nguồn lực thực hiện.... Hội đồng Tiền lương Quốc gia vừa gửi báo cáo khuyến nghị tới Chính phủ về việc xem xét mức tăng lương tối thiểu vùng năm 2024 đã được Hội đồng đề xuất 6%, tương ứng mức tăng từ 200.000 - 280.000 đồng tùy theo từng vùng. Theo đó, lương tối thiểu tại vùng 1 sẽ nâng lên 4.960.000 đồng; vùng 2 là 4.410.000 đồng; vùng 3 là 3.860.000 đồng và vùng 4 đạt 3.450.000 đồng. Lương tối thiểu vùng hiện hành các vùng đang dao động từ 3.250.000 đồng đến 4.680.000 đồng.

Xuất nhập khẩu hàng hóa: Nhiều tín hiệu tích cực tháng đầu năm 2024

Xuất nhập khẩu tiếp tục tăng mạnh là một trong những thông tin được đưa ra trong buổi Họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 1/2024 diễn ra chiều 1/2/2024. Đây là buổi họp báo thường kỳ Chính phủ cuối cùng trong năm âm lịch Quý Mão, ngay trước thềm kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Giáp Thìn đang đến gần. Theo đó, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt gần 64,22 tỷ USD, tăng 37,7% so với cùng kỳ, xuất siêu 2,92 tỷ USD. An ninh năng lượng, lương thực được bảo đảm, xuất khẩu gạo tháng 1/2024 đạt 347 triệu USD, tăng 86,1% so với cùng kỳ.

Chủ tịch Powell: Fed sẽ hành động cần trọng, có thể giảm lãi suất ít hơn dự kiến của thị trường

Chủ tịch Jerome Powell khẳng định Fed sẽ rất thận trọng khi hạ lãi suất và nhiều khả năng ngân hàng trung ương Mỹ sẽ tung ra ít đợt cắt giảm lãi suất hơn những gì nhà đầu tư kỳ vọng. Ông nhìn nhận rủi ro lớn nhất tới nền kinh tế Mỹ có thể đến từ địa chính trị. Ông Jerome Powell, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed), khẳng định trong cuộc phỏng vấn được chiếu vào ngày 4/2 rằng ngân hàng trung ương này sẽ cắt giảm lãi suất một cách thận trọng trong năm nay. Ông cũng cảnh báo là nhiều khả năng Fed sẽ hành động với tốc độ chậm hơn đáng kể suy đoán của thị trường.

Giao dịch rút tiền mặt qua ATM giảm mạnh dịp Tết

Qua ghi nhận của NAPAS, trong tháng 1/2024, số lượng giao dịch chuyển tiền tăng 5% so với tháng 12/2023 và tăng 58% so với cùng kỳ tháng 1 năm 2023. Trong khi đó, giao dịch rút tiền mặt qua ATM trong tháng 1/2024 giảm 28% so với cùng kỳ năm trước...Điều này khẳng định rõ nét nhu cầu rút tiền mặt của người dân ngày càng giảm, không chỉ vào thời điểm trong năm, mà còn trong cả những giai đoạn cao điểm cận Tết Nguyên đán năm nay.

TIN DOANH NGHIỆP
VPI huy động thành công 650 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng

Báo cáo gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, CTCP Đầu tư Văn Phú - INVEST (HOSE: VPI) cho biết đã huy động thành công 650 tỷ đồng từ trái phiếu ra công chúng, trong bối cảnh hiện nay rất ít doanh nghiệp bắt động sản thực hiện được việc phát hành ra công chúng. Lô trái phiếu hiện chưa có mã cụ thể và sẽ được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định sau khi Công ty hoàn thành đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký, lưu ký tập trung tại VSDC. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản. Số lượng gồm 6.5 triệu trái phiếu, mệnh giá 100,000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn 36 tháng, trả lãi mỗi 6 tháng/lần.

Hòa Phát rót gần 10.000 tỷ vào Dung Quất 2 trong một quý

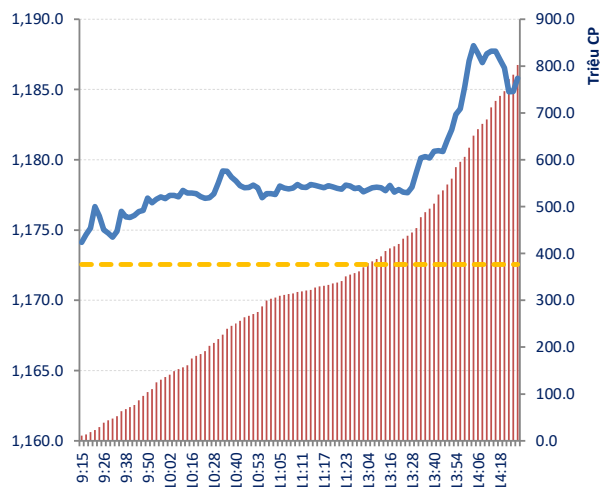
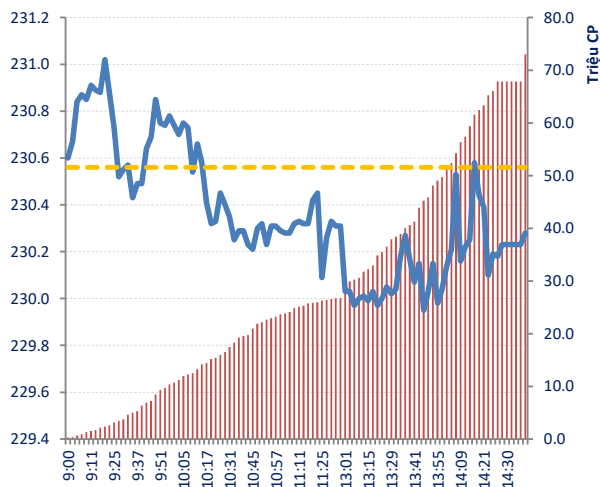
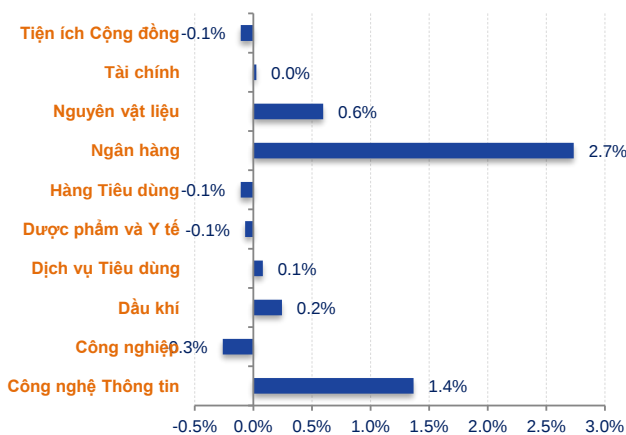
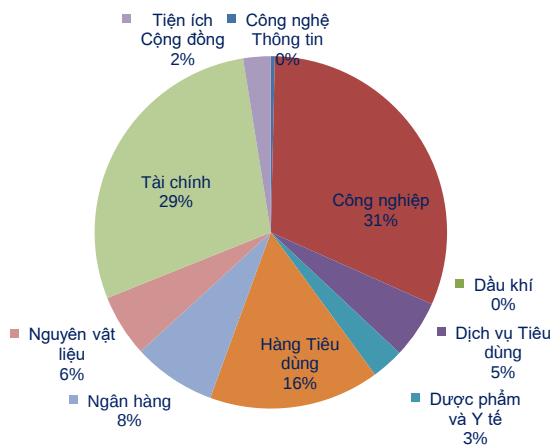
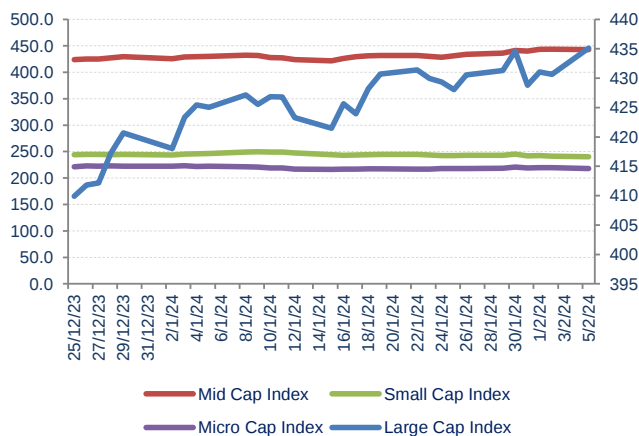
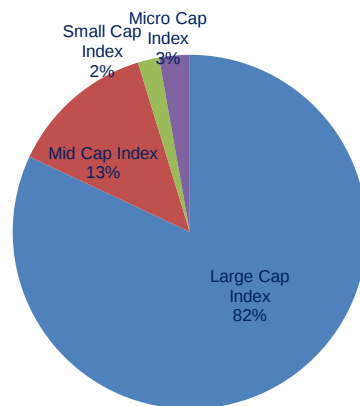
Tập đoàn này đã rót 22.555 tỷ đồng vào siêu dự án Dung Quất 2, tương đương tăng hơn 9.824 tỷ đồng trong quý IV hoặc tăng 13.125 tỷ đồng trong cả năm 2023. Theo báo cáo kinh doanh quý IV/2023, Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) cho biết đang bám sát tiến độ đầu tư và hiệu quả các dự án lớn, đặc biệt là Khu liên hợp sản xuất gang thép Dung Quất 2. Siêu dự án Dung Quất 2 đã đạt khoảng 45% tiến độ, đúng theo kế hoạch ban lãnh đạo đề ra. Khi hoàn thành, năng lực sản xuất thép của tập đoàn sẽ đạt hơn 14 triệu tấn thép thô/năm và vào top 30 doanh nghiệp thép lớn nhất thế giới.

Vinaconex lãi sau thuế 336 tỷ đồng năm 2023

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2023 của Vinaconex đạt 131 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 336 tỷ đồng. Báo cáo tài chính quý IV/2023 của Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex - Mã: VCG) cho thấy nỗ lực củng cố nội lực trong bối cảnh môi trường kinh doanh vô vàn khó khăn, đồng thời thể hiện rõ sự cải thiện về dòng tiền của doanh nghiệp. Cụ thể, báo cáo riêng cho thấy trong quý IV, tổng công ty đạt doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2.558 tỷ đồng; lũy kế cả năm đạt 7.887 tỷ đồng, tăng 356 tỷ đồng so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế quý IV đạt xấp xỉ 60 tỷ đồng, lũy kế cả năm đạt 185 tỷ đồng.

SeABank (SSB) hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023: CASA tăng trưởng tốt, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát

Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank, mã chứng khoán SSB) công bố kết quả kinh doanh năm 2023 với nhiều chỉ số tăng trưởng tốt: tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 11,5%, cao hơn so với các năm trước; tăng ròng dư nợ và huy động ấn tượng lần lượt đạt 16,76% và 25,35% so với 2022 đồng thời tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 1,94%. Lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng đạt hơn 4.616 tỷ đồng.

KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	5,890,202	TPB	5,743,300
2	STB	3,055,900	VRE	2,248,593
3	VND	1,693,700	GEX	1,978,800
4	PVD	1,261,978	SSI	1,529,200
5	HAH	1,062,800	HPG	1,415,214

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	IDC	95,900	SHS	6,566,187
2	TNG	85,104	MBS	324,934
3	LAS	34,600	BVS	94,200
4	API	31,000	DTD	74,100
5	PSI	20,000	EID	68,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.45	11.75	↑ 2.62%	50,146,900
EIB	18.45	18.80	↑ 1.90%	44,165,200
MBB	21.75	22.95	↑ 5.52%	37,434,400
ACB	26.25	27.80	↑ 5.90%	29,468,600
TPB	17.50	18.15	↑ 3.71%	29,367,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.30	18.10	↓ -1.09%	27,073,755
HUT	19.10	18.70	↓ -2.09%	4,861,352
CEO	21.60	21.50	↓ -0.46%	4,092,217
PVS	36.70	36.70	→ 0.00%	3,791,399
MBS	26.60	27.10	↑ 1.88%	3,332,957

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTA	4.87	5.21	0.34	↑ 6.98%
CTG	31.70	33.90	2.20	↑ 6.94%
D2D	31.90	34.10	2.20	↑ 6.90%
ASP	4.70	5.02	0.32	↑ 6.81%
HTL	14.90	15.90	1.00	↑ 6.71%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAP	11.50	12.60	1.10	↑ 9.57%
HMH	13.60	14.90	1.30	↑ 9.56%
HJS	31.10	34.00	2.90	↑ 9.32%
SGD	10.90	11.90	1.00	↑ 9.17%
MKV	9.40	10.20	0.80	↑ 8.51%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STG	50.90	47.35	-3.55	↓ -6.97%
HBC	8.90	8.28	-0.62	↓ -6.97%
POM	5.19	4.83	-0.36	↓ -6.94%
QNP	41.85	38.95	-2.90	↓ -6.93%
HNG	4.37	4.07	-0.30	↓ -6.86%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTH	56.00	50.50	-5.50	↓ -9.82%
SGH	32.70	29.50	-3.20	↓ -9.79%
TKU	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
TKG	8.30	7.50	-0.80	↓ -9.64%
L62	3.20	2.90	-0.30	↓ -9.38%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	50,146,900	16.1%	2,064	5.5	0.8
EIB	44,165,200	10.1%	1,244	14.8	1.4
MBB	37,434,400	23.5%	3,966	5.5	1.2
ACB	29,468,600	24.8%	4,131	6.4	1.4
TPB	29,367,100	13.7%	2,019	8.7	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	27,073,755	5.7%	688	26.6	1.4
HUT	4,861,352	0.6%	82	233.3	1.5
CEO	4,092,217	3.1%	408	52.9	1.8
PVS	3,791,399	6.6%	1,812	20.3	1.3
MBS	3,332,957	12.3%	1,334	19.9	2.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTA	↑ 7.0%	1.2%	134	36.3	0.4
CTG	↑ 6.9%	17.0%	3,723	8.5	1.3
D2D	↑ 6.9%	2.6%	840	38.0	1.0
ASP	↑ 6.8%	1.0%	124	37.9	0.4
HTL	↑ 6.7%	15.7%	3,225	4.6	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NAP	↑ 9.6%	9.0%	1,002	11.5	1.0
HMH	↑ 9.6%	2.0%	310	43.8	0.9
HJS	↑ 9.3%	16.5%	2,559	12.2	2.0
SGD	↑ 9.2%	2.6%	406	26.8	0.7
MKV	↑ 8.5%	8.1%	1,240	7.6	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	5,890,202	17.0%	3,723	8.5	1.3
STB	3,055,900	18.3%	4,094	7.3	1.2
VND	1,693,700	13.0%	1,657	13.2	1.6
PVD	1,261,978	4.0%	1,040	26.7	1.0
HAH	1,062,800	12.7%	3,526	10.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	95,900	22.6%	4,221	13.1	2.9
TNG	85,104	12.9%	1,988	10.2	1.2
LAS	34,600	10.7%	1,316	12.8	1.3
API	31,000	-5.1%	(580)	-	0.5
PSI	20,000	4.3%	483	17.4	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	504,695	21.7%	5,910	15.3	3.0
BID	267,350	19.0%	3,781	12.4	2.2
VHM	179,400	20.0%	7,607	5.4	1.0
GAS	172,715	18.4%	5,053	14.9	2.6
CTG	170,229	17.0%	3,723	8.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	18,183	22.6%	4,221	13.1	2.9
PVS	17,541	6.6%	1,812	20.3	1.3
HUT	17,047	0.6%	82	233.3	1.5
SHS	14,881	5.7%	688	26.6	1.4
THD	13,552	3.0%	470	74.9	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MHC	2.76	4.8%	618	12.6	0.6
DC4	2.74	15.8%	1,946	5.9	0.9
NHA	2.66	1.4%	143	117.7	1.6
VPD	2.60	1.3%	232	76.3	1.0
DIG	2.50	2.2%	283	97.7	2.1

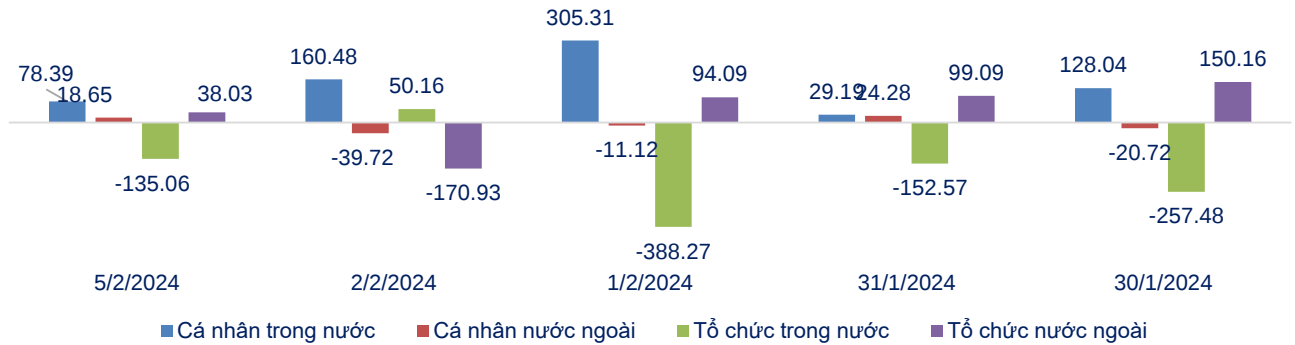
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	2.48	6.1%	1,090	20.2	1.2
EVS	2.44	1.9%	228	35.0	0.7
VIG	2.37	9.6%	685	11.1	1.0
VC2	2.26	2.0%	293	34.1	0.8
CEO	2.24	3.1%	408	52.9	1.8



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	165.00	24.8%	4,131	6.4	1.4
NKG	144.47	2.2%	446	54.4	1.2
TPB	107.16	13.7%	2,019	8.7	1.2
VRE	94.38	12.4%	1,940	11.5	1.3
MBB	93.80	23.5%	3,966	5.5	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-211.03	17.0%	3,723	8.5	1.3
STB	-125.29	18.3%	4,094	7.3	1.2
HAH	-68.69	12.7%	3,526	10.9	1.3
FRT	-46.26	-18.3%	(2,537)	-	9.4
PVD	-44.92	4.0%	1,040	26.7	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	9.56	26.2%	4,248	15.9	4.0
STB	3.98	18.3%	4,094	7.3	1.2
HPG	3.69	6.9%	1,175	23.7	1.6
VHM	3.56	20.0%	7,607	5.4	1.0
MWG	2.40	0.7%	115	413.7	3.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-8.11	10.1%	1,531	22.7	2.2
HHV	-3.66	3.7%	951	16.2	0.7
FCN	-2.04	1.1%	232	61.1	0.7
CTG	-1.61	17.0%	3,723	8.5	1.3
LBM	-1.28	21.9%	6,224	7.4	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	38.62	21.6%	6,001	15.3	3.1
STB	32.34	18.3%	4,094	7.3	1.2
MWG	30.23	0.7%	115	413.7	3.0
HAH	26.37	12.7%	3,526	10.9	1.3
LCG	25.71	4.7%	631	20.2	0.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	-165.00	24.8%	4,131	6.4	1.4
NKG	-143.00	2.2%	446	54.4	1.2
MBB	-93.87	23.5%	3,966	5.5	1.2
NVL	-58.71	1.8%	413	41.2	0.7
VRE	-44.79	12.4%	1,940	11.5	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	197.40	17.0%	3,723	8.5	1.3
STB	88.97	18.3%	4,094	7.3	1.2
FRT	52.03	-18.3%	(2,537)	-	9.4
HAH	42.88	12.7%	3,526	10.9	1.3
VND	35.91	13.0%	1,657	13.2	1.6

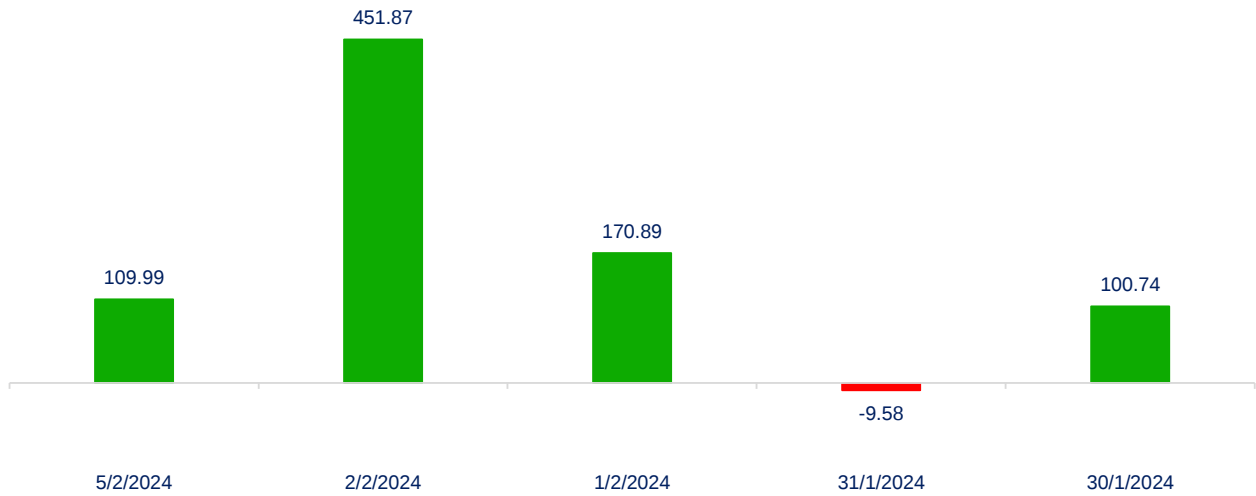
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TPB	-101.57	13.7%	2,019	8.7	1.2
VCB	-55.19	21.7%	5,910	15.3	3.0
VRE	-49.94	12.4%	1,940	11.5	1.3
SSI	-44.96	10.1%	1,531	22.7	2.2
HPG	-43.38	6.9%	1,175	23.7	1.6

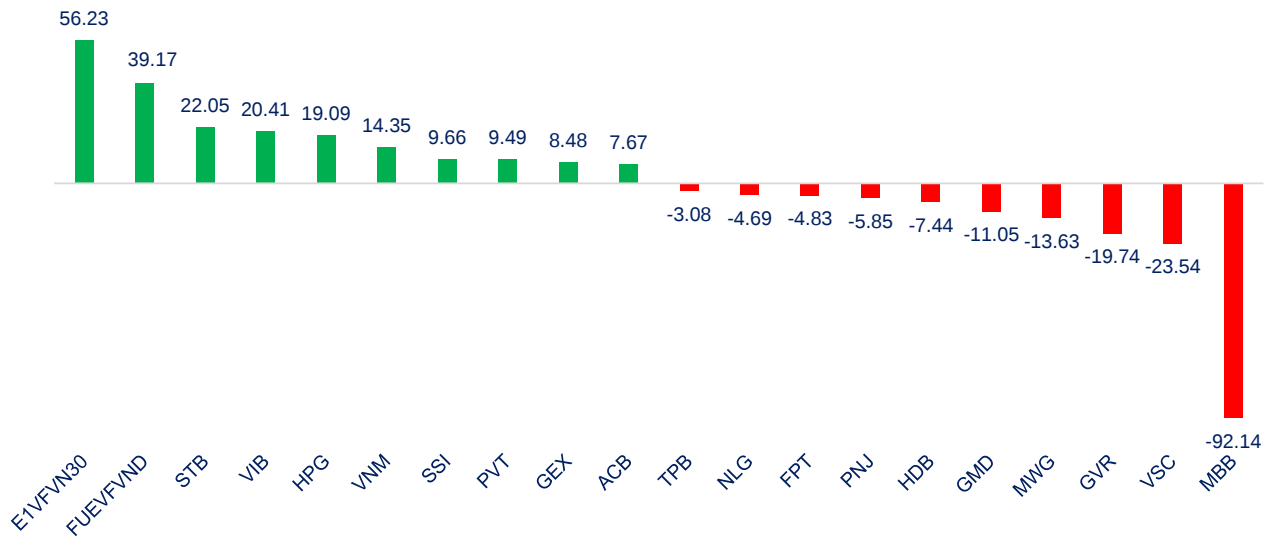


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn